TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10/6/2022
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Vũ Toàn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Ngọc Tài**

2. Bà **Đinh Thị Mỹ Hằng**

Thư ký phiên toà: Bà **Mai Thị Thanh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà **Trần Thị Xuân** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 70/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 02 năm 2022, về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/4/2022;Thông báo hoãn phiên tòa số ngày 05/5/2022; Thông báo mở lại phiên tòa số: 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Võ Thị Ngọc H**, sinh năm 1988

*** Bị đơn:** Ông **Trần Khánh H**, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Khu phố 7, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

(Bà H có đơn xin xử vắng mặt, ông H vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại Tòa của nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc H có nội dung như sau:**

Bà và ông Trần Khánh H tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 119, ngày 05/12/2008.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông bà không tìm được tiếng nói chung, đời sống vợ chồng không cùng quan điểm nên thường phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi vả nhau. Ngoài ra, ông H không lo làm ăn, gia đình có can thiệp hòa giải, nhưng do ông H theo đạo Thiên Chúa nên không đồng ý. Hiện nay giữa bà H và ông H đã không còn sống chung, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc hay chia sẽ những buồn vui trong cuộc sống nữa. Bà Hiền nhận thấy không còn tình cảm với ông H, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Khánh H.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 người con chung: Trần Khánh T, sinh ngày 22/10/2010, giới tính nam và Trần Ngọc Khánh B, sinh ngày 12/6/2017, giới tính nữ. Hiện nay bà H đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con Trần Khánh T, mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn: Ông Trần Khánh H:**

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông H không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Mặc dù, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng tại phiên tòa hôm nay ông H vẫn vắng mặt không lý do.

* Qua xác minh thì vợ chồng bà H, ông H có mâu thuẫn và hiện nay không còn sống chung.

**** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L và quan hệ pháp luật tranh chấp Tòa án xác định là đúng, Tòa án đưa vu án ra xét xử phù hợp với quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử và thời hạn đưa vụ án ra xét xử; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và quá trình xét xử vụ án Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Ngọc H là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, cho bà H được ly hôn ông H; Về con chung: Giao cho bà Võ Thị Ngọc H được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung: Trần Khánh T, sinh ngày 22/10/2010 và Trần Ngọc Khánh B, sinh ngày 12/6/2017; Ông H phải cấp dưỡng nuôi con: Trần Khánh T mỗi tháng 2.000.000 đồng; Về án phí: Bà H, ông H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:** Xét yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Ngọc H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Bị đơn ông Trần Khánh H có địa chỉ tại khu phố 7, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn ông Trần Khánh H vắng mặt không lý do, nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] **Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

3.1. **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Võ Thị Ngọc H và ông Trần Khánh H có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 119, ngày 05/12/2008, vì vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, dù đã được Tòa án nhiều lần khuyên can nhưng bà H vẫn một mực kiên quyết yêu cầu ly hôn ông H. Về phía bị đơn ông Trần Khánh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông H không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và tại phiên tòa hôm nay vắng mặt không lý do, qua đó cho thấy ông H bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng giữa vợ chồng bà H, ông H thì mạnh ai nấy sống, không quan tâm lẫn nhau. Hơn nữa, Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay giữa bà H và ông H đã không còn sống chung, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc hay chia sẽ những buồn vui trong cuộc sống nữa, giữa bà H và ông H đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Ngọc H là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2. **Về con chung:** Vợ chồng bà H và ông H có 02 người con chung tên: Trần Khánh T, sinh ngày 22/10/2010, giới tính nam và Trần Ngọc Khánh B, sinh ngày 12/6/2017, giới tính nữ. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung: Trần Khánh T và Trần Ngọc Khánh B, Hội đồng xét xử nhận thấy lời khai của cháu T ở với ai cũng được và hiện nay bà H đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu, bà vẫn đảm bảo việc nuôi dưỡng con tốt. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt của các cháu đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, việc học hành và tinh thần. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung: Trần Khánh T, sinh ngày 22/10/2010 và Trần Ngọc Khánh B, sinh

ngày 12/6/2017 là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.3. **Về cấp dưỡng nuôi con**: Bà H yêu cầu ông Hưng cấp dưỡng nuôi con Trần Khánh T mỗi tháng 2.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*", nên yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà H có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, buộc ông Trần Khánh H phải cấp dưỡng nuôi con chung: Trần Khánh T, sinh ngày 22/10/2010 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

3.4. **Về tài sản chung, nợ chung**: Bà H và ông H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] **Về án phí:** Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn, ông H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Ngọc H.

Bà Võ Thị Ngọc H được ly hôn ông Trần Khánh H.

2. Về nuôi con chung:

Giao cho bà Võ Thị Ngọc H được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung: Trần Khánh T (Giới tính: Nam), sinh ngày 22/10/2010 và Trần Ngọc Khánh B (Giới tính: Nữ), sinh ngày 12/6/2017.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Trần Khánh H phải cấp dưỡng nuôi con chung: Trần Khánh T, sinh ngày 22/10/2010 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông H không yêu cầu.

5. Về án phí:

Bà Võ Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004825 ngày 19/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, bà H đã nộp đủ án phí.

Ông Trần Khánh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bà Võ Thị Ngọc H và ông Trần Khánh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- UBND p. T. A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Vũ Toàn